

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2022/HNGĐ – ST**
Ngày: 20/6/2022
"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Đô;

2/ Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị X, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Trương Vĩnh Th, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Vĩnh Th tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 44, ký ngày 20/4/2015. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặt khác, giữa mẹ chồng và chị không có sự hòa hợp, mẹ chồng thường có lời nói xúc phạm đến chị và gia đình chị. Anh Trương Vĩnh Th không giải quyết được mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng. Đến khi chị mang thai đứa thứ 3 thì chị và anh Trương Vĩnh Th sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian từ năm 2019 đến nay vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, vợ chồng không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Vĩnh Th.

Về con chung: Chị và anh Trương Vĩnh Th có ba con chung tên là Trương Thế T sinh ngày 24/12/2015, Trương Phúc Th1 sinh ngày 6/01/2018 và Trương Phúc Th2 sinh ngày 29/12/2019.

Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Phúc Th2. Còn cháu Trương Thế Toàn và cháu Trương Phúc Th1 giao cho anh Trương Vĩnh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Trương Vĩnh Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Vĩnh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai của chị Lương Thị X về việc kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế gia đình, do anh làm ăn thua lỗ, nợ nần dẫn đến vợ chồng xảy ra việc cãi vã. Từ cuối năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Nay mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Lương Thị X.

Về con chung: Anh hoàn trí với lời khai của chị Lương Thị X về con chung và anh nhất trí với nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị Lương Thị X.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 52 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lương Thị X.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu cháu Trương Thế T và cháu Trương Phúc Th1 giao cho anh Trương Vĩnh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Trương Phúc Th2 sinh ngày 29/12/2019 cho chị Lương Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị X và anh Trương Vĩnh Th đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 44, ký ngày 20/4/2015. Lời khai của chị Lương Thị X và anh Trương Vĩnh Th phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị X và anh Trương Vĩnh Th là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Lương Thị X: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị X và anh Trương Vĩnh Th đều khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X khai nhận không thống nhất. Tuy nhiên, anh Trương

Vĩnh Th và chị Lương Thị X đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X đều xác nhận không có nguyện vọng đoàn tụ gia đình và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc hòa giải đoàn tụ không còn ý nghĩa. Do đó, căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X.

[3] Về con chung: Anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Trương Thế T, sinh ngày 24/12/2015, Trương Phúc Th1, sinh ngày 6/01/2018 và Trương Phúc Th2, sinh ngày 29/12/2019. Lời khai của anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Chị Lương Thị X có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Phúc Th2. Anh Trương Vĩnh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thế T và cháu Trương Phúc Th1. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Vĩnh Th đồng ý với nguyện vọng của chị Lương Thị X. Xét, chị Lương Thị X và anh Trương Vĩnh Th đều đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, trong thời gian chị Lương Thị X và anh Trương Vĩnh Th sống ly thân, anh Trương Vĩnh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thế T, cháu Trương Phúc Th1 và chị Lương Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Phúc Th2 đều đảm bảo cho việc con chung phát triển. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của hai cháu, đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý cho các cháu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Trương Thế T và cháu Trương Phúc Th1 cho anh Trương Vĩnh Th trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trương Phúc Th2 cho chị Lương Thị X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của*

nguyên đơn”. Do đó, nguyên đơn chị Lương Thị X phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Thế T, sinh ngày 24/12/2015 và cháu Trương Phúc Th1, sinh ngày 6/01/2018 cho anh Trương Vĩnh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Trương Phúc Th2, sinh ngày 29/12/2019 cho chị Lương Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Trương Vĩnh Th và chị Lương Thị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị X phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000283 ký ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/6/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh